

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /TB-ĐHĐN
V/v. Góp ý cho dự thảo Kế hoạch
Tự đánh giá chất lượng giáo dục
cơ sở đào tạo, năm học 2017-2018.

Đồng Nai, ngày 5 tháng 1 năm 2018

Kính gửi: - Lãnh đạo các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm;
- BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên.

Căn cứ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tự đánh giá (và đăng ký đánh giá ngoài) chất lượng giáo dục cơ sở đào tạo, năm học 2017-2018;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2017-2018 của trường Đại học Đồng Nai;

Căn cứ hướng dẫn của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

Ban Giám hiệu Trường Đại học Đồng Nai đề nghị lãnh đạo các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm; BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức nghiên cứu, thảo luận và góp ý cho dự thảo Kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở đào tạo, năm học 2017-2018 (kèm theo).

Các đơn vị góp ý bằng văn bản, gửi trực tiếp về phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng trước ngày 25/1/2018.

Để công tác tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài chất lượng giáo dục cơ sở đào tạo có thể thực hiện tốt, yêu cầu các tập thể và cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện nội dung thông báo này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, Ban Giám hiệu;
- Như kính gửi;
- Lưu VT.


HIỆN TRƯỞNG
TS. Trần Minh Hùng

Số: /KH-ĐHĐN

Đồng Nai, ngày 2 tháng 1 năm 2018

Dư thảo

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Tự đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở đào tạo
năm học 2017- 2018**

Căn cứ các quy định, hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tự đánh giá và đăng ký kiểm định cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Kế hoạch năm học của trường Đại học Đồng Nai,

Ban Giám hiệu trường Đại học Đồng Nai xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác Tự đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở đào tạo, năm học 2017- 2018, cụ thể như sau:

I.CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CHUNG

1. Xây dựng kế hoạch chung

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Bộ môn Quản lý giáo dục tham mưu xây dựng kế hoạch trong tháng 11/2017

2. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Bộ môn Quản lý giáo dục tham mưu thành lập Hội đồng trong tháng 12/2017. Thành viên Hội đồng căn cứ các quy định hiện hành về công tác tự đánh giá và tình hình thực tế của nhà trường.

3. Thành lập và xây dựng Bảng phân công nhiệm vụ của các Nhóm chuyên trách.

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, phòng Tổ chức-Hành chính tham mưu thành lập và xây dựng Bảng phân công nhiệm vụ của các Nhóm chuyên trách trong tháng 1/2018.

4. Xây dựng Kế hoạch thực hiện cụ thể

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Bộ môn Quản lý giáo dục phối hợp Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh thực hiện trong tháng 12/2017.

II.CÔNG TÁC TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Bộ tiêu chuẩn Tự đánh giá: Sử dụng bộ tiêu chuẩn định hướng chuẩn AUN-QA, gồm 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí. (Tham khảo thêm tại phụ lục 1 hoặc tài liệu: Guide to AUN- QA assessment at Institutional level, version 2.0)

2. Dự kiến nhân sự/ đơn vị chuyên trách các tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn	Nhân sự/ đơn vị chuyên trách (dự kiến)
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ MẶT CHIẾN LƯỢC :	
Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	Phòng TC-HC
Tiêu chuẩn 2: Hệ Thống quản trị	Phòng TC-HC
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Phòng Đào tạo Phòng NCKH, SĐH và QHQT
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	Phòng TC-HC
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	Phòng KH-TC Phòng QT-TB
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	Phòng NCKH, SĐH và QHQT
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ MẶT HỆ THỐNG:	
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong	Phòng Đào tạo
Tiêu chuẩn 10: Đánh giá chất lượng bên trong và bên ngoài	Phòng KT-ĐBCL
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ MẶT THỰC HIỆN CHỨC NĂNG:	
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	Phòng Đào tạo
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	Phòng KT-ĐBCL
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá sinh viên	Phòng Công tác sinh viên
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên	Trung tâm HTSV và QHDN Phòng Công tác sinh viên

Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	Phòng NCKH, SDH và QHQT
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ	
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng	Đoàn Thanh niên Hội Sinh viên
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG:	
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	Phòng Đào tạo
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	Phòng NCKH, SDH và QHQT
Tiêu chuẩn 24: Kết quả đóng góp phục vụ cộng đồng	Trung tâm HTSV và QHDN Đoàn thanh niên Hội sinh viên
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường giáo dục	Phòng KH-TC

3. Hướng dẫn thực hiện các nội dung cơ bản

3.1. Giải thích một số từ ngữ trong bộ tiêu chuẩn định hướng chuẩn AUN-QA

- “Các bên liên quan” đến cơ sở giáo dục, bao gồm: người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo quản lý, nhà sử dụng lao động (các sở Y tế, các bệnh viện tỉnh, các công ty Dược...), các đối tác khác;

- “Đối sánh”: là hoạt động đối chiếu và so sánh một cơ sở giáo dục với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục hoặc với cơ sở giáo dục khác được lựa chọn;

- “Minh chứng” sử dụng để chứng minh cho các phân tích, giải thích. Là các văn bản, hồ sơ, sổ sách, băng đĩa, hình, hiện vật đã và đang có của cơ sở giáo dục phù hợp với nội hàm các tiêu chuẩn. Là những thông tin được thu thập từ hồ sơ lưu trữ của các cơ quan liên quan; từ khảo sát, điều tra, phỏng vấn và quan sát các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục. Minh chứng phải có nguồn gốc rõ ràng và bảo đảm tính chính xác

3.2 Các bước thực hiện dành cho các nhóm chuyên trách các tiêu chuẩn

- *Bước 1:* Xác định yêu cầu/ nội hàm của tiêu chuẩn (tham khảo thêm tài liệu: Guide to AUN- QA assessment at Institutional level, version 2.0 tại internet hoặc liên hệ phòng KT-ĐBCL lấy bản photocopy).

- Tiêu chuẩn có các yêu cầu/ nội hàm gì?
- Nội dung của từng yêu cầu? Câu hỏi tương ứng: nhà trường đã và đang có kế hoạch thực hiện? tại sao phải thực hiện hoạt động này? Nội dung phải thực hiện là gì? Đã thực hiện như thế nào, ra sao, khi nào, cho bao nhiêu đơn vị? Kết quả? Các xem xét điều chỉnh, cải tiến?

- Xác định minh chứng tối thiểu tương ứng.

- *Bước 2:* Thu thập thông tin và minh chứng.

- Tìm các thông tin, minh chứng phù hợp;
- Mỗi minh chứng chỉ cần một bản, kể cả các minh chứng được dùng cho nhiều nội hàm, nhiều tiêu chuẩn;

- Minh chứng phải đảm bảo cho trọn chu kỳ đánh giá, phải có đủ minh chứng cho 05 năm (2013-2014; 2017-2018);

- Minh chứng dạng sổ sách, chứng từ, hồ sơ, hiện vật thì có thể lập bảng thống kê, mô tả thông số và vị trí lưu giữ;

- Lập danh sách các minh chứng đã có (phụ lục 2), danh sách các minh chứng chưa có (phụ lục 3), tự đánh giá tình hình thông tin, minh chứng được thu thập theo bảng kiểm (phụ lục 4).

- *Bước 3:* Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; mô tả, trình bày trong “Phiếu đánh giá tiêu chuẩn” (phụ lục 5). Phiếu đánh giá tiêu chuẩn là cơ sở để tổng hợp thành báo cáo Tự đánh giá. Phiếu đánh giá tiêu chuẩn được trình bày theo các nội dung dưới đây:

- Mô tả và phân tích các hoạt động của nhà trường liên quan đến yêu cầu/ nội hàm của tiêu chuẩn. Viết cho cả tiêu chuẩn, có thể không cần viết tách rời từng tiêu chí trong tiêu chuẩn đó. Mỗi ý mô tả đều có ghi chú minh chứng đính kèm. Viết theo ngôn ngữ tích cực (câu chủ động).

Có hai cách viết phân mô tả: Thứ nhất, hoặc trả lời các câu hỏi liên quan tiêu chuẩn (xem bước 1) *theo công thức 5WHs* (What, When, Why, Who, How), cần so sánh đối chiếu với mặt bằng chung, với chính nhà trường trong các năm trước, với các quy định chung (How). Thứ hai, hoặc trả lời các câu hỏi liên quan tiêu chuẩn (xem

bước 1) *theo công thức ADRI*: “Approach”- cách mà chúng ta muốn thực hiện nó, “Deployment”- cách mà chúng ta triển khai, “Result”- kết quả là gì, “Improvement”- làm cách nào để cải tiến (hoặc: Kế hoạch-Tổ chức thực hiện-Kiểm tra-Cải tiến).

- Đưa ra những nhận định về điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy, chỉ ra những tồn tại và phân tích nguyên nhân của những tồn tại đó;

- Xác định những vấn đề cần cải tiến, đề ra những giải pháp để huy động các nguồn lực và khung thời gian phù hợp để phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại (nếu có).

- *Bước 4*: Đánh giá mức độ đạt của các tiêu chí/tiêu chuẩn theo thang điểm 7 mức vào bảng kiểm Tự đánh giá (phụ lục 6).

- *Bước 5*: Nộp toàn bộ hồ sơ về Hội đồng Tự Đánh Giá, bao gồm:

- Phiếu đánh giá tiêu chuẩn;
- Danh sách các minh chứng đã có;
- Danh sách các minh chứng chưa có;
- Bảng kiểm tự đánh giá tình hình minh chứng được thu thập;
- Bảng kiểm Tự đánh giá Tiêu chuẩn Đảm bảo chất lượng giáo dục.

- *Bước 6*: Tất cả thành viên nhóm chuyên trách tham gia báo cáo Tiêu chuẩn cho Hội đồng Tự Đánh giá.

* Thời gian dự kiến cho các nhóm tự đánh giá thực hiện 6 bước kể trên: từ tháng 2/2017 đến tháng 7/2017.

3.3 . Trách nhiệm của Hội đồng Tự đánh giá:

- Phân tích, phản biện các báo cáo;
- Kiểm tra tính phù hợp, xác thực, đầy đủ của các báo cáo;
- Kiểm tra tính phù hợp, xác thực, đầy đủ của các minh chứng;
- Hỗ trợ xây dựng kế hoạch cải tiến;
- Hệ thống các báo cáo của từng tiêu chuẩn thành báo cáo Tự đánh giá thống nhất theo quy định.

3.4. Hoàn thành hồ sơ và đề nghị đánh giá ngoài:

* Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Bộ môn Quản lý giáo dục chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả, thu thập minh chứng của các nhóm chuyên trách; kiện toàn báo cáo tự đánh giá. Thời gian: dự kiến từ tháng 8/2017 đến tháng 10/2018.

* Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tham mưu lập hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài. Thời gian: dự kiến tháng 11/2018.

III.CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Trường Đại học Đồng Nai phối hợp Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các nội dung sau:

1.Phối hợp tổ chức tập huấn cho cán bộ, giảng viên toàn trường

Dự kiến; Tháng 3/2018. Thành phần; toàn trường.

2.Phối hợp tập huấn cho các nhóm chuyên trách

Dự kiến: tháng 3/2018. Thành phần: Theo Quyết định thành lập các nhóm chuyên trách.

3.Phối hợp hỗ trợ các nhóm viết báo cáo

Dự kiến: từ tháng 3/2018 đến tháng 8/2018.

4.Phối hợp tổng hợp báo cáo tự đánh giá

Dự kiến: từ tháng 8/2018 đến tháng 10/2018.

5.Thực hiện thẩm định

Từ tháng 10/2018.

6.Thực hiện đánh giá ngoài

Sau khi Trung tâm thực hiện xong việc thẩm định và có kế hoạch đánh giá ngoài (Dự kiến trong nửa cuối năm học 2017-2018).

Trên đây là Kế hoạch tự đánh giá cơ sở đào tạo năm học 2017-2018 của trường Đại học Đồng Nai, yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này ./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy BGH;
- HĐ Tự đánh giá;
- Lưu VT, KT-ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Minh Hùng

Phụ lục 1

Bộ tiêu chuẩn định hướng chuẩn AUN-QA

Mục 1

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ MẶT CHIẾN LƯỢC

Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

1.1. Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo rằng tầm nhìn và sứ mạng đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục phát triển các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

1.2. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được tuyên bố, được truyền thông, lan tỏa và được giải thích rõ để thực hiện.

1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được rà soát, đánh giá để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cùng quá trình phát triển của chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 2: Hệ thống Quản trị

2.1. Hệ thống quản trị (thí dụ Hội đồng quản trị, Hội đồng trường, Hội đồng tín thác và các Hội đồng tư vấn) được thành lập theo quy định của Điều lệ trường đại học/Điều lệ trường cao đẳng và các quy định khác của pháp luật có liên quan nhằm thiết lập định hướng chiến lược căn cứ vào bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục và để đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững và tính minh bạch cũng như để giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn.

2.2. Các quyết định từ các cơ quan quản trị được chuyển thành các kế hoạch hành động, chính sách và hướng dẫn thực hiện.

2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát.

2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn.

Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý

3.1. Ban lãnh đạo thiết lập cơ cấu quản lý với vai trò và trách nhiệm, quá trình ra quyết định, công tác thông tin và báo cáo được xác định rõ ràng để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

3.2. Ban lãnh đạo tham gia vào việc liên hệ và kết nối các bên liên quan để thực hiện việc dẫn dắt tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

3.3. Cơ cấu quản lý và lãnh đạo của cơ sở giáo dục được rà soát.

3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng

hiệu quả quản lý và để đạt được các cấp độ mong muốn về hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục.

Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược

4.1. Việc quy hoạch chiến lược được thực hiện nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược của đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

4.2. Kế hoạch chiến lược được truyền thông, lan tỏa và chuyển thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để thực hiện.

4.3. Các chỉ số thực hiện chính và các mục tiêu được thiết lập để đo lường về mức

độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính và các mục tiêu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

5.1. Hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được văn bản hóa, được phổ biến và được thực hiện.

5.3. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà

soát.

5.4. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được

cải tiến nhằm tăng hiệu quả tổ chức để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực

6.1. Việc quy hoạch về nguồn nhân lực (xem xét về đội ngũ kế nhiệm, đề bạt, sắp xếp lại, chấm dứt hợp đồng và nghỉ hưu) được thực hiện để đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn, bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật đối với việc bổ nhiệm, sắp xếp lại và đề bạt được xác định và được phổ biến.

6.3. Các năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ nhân viên khác nhau được xác định và thiết lập.

6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu phát triển của đội ngũ cán bộ được xác

định và các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ bao gồm chế độ khen thưởng,

công nhận và chương trình bồi dưỡng được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và kế hoạch về nguồn nhân lực được rà soát.

6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và kế hoạch về nguồn nhân lực được cải tiến

để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán và cải tiến các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và thực hiện.

7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo dưỡng, đánh giá và cải tiến cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và thực hiện.

7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo dưỡng, kiểm toán và cải tiến các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, sao lưu, bảo mật và truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và thực hiện.

7.4. Hệ thống lập kế hoạch, duy trì, đánh giá và cải tiến các nguồn lực học tập như tài nguyên thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến, v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và thực hiện.

7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và để những người có nhu cầu đặc biệt có thể tiếp cận được thiết lập và thực hiện.

Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

8.1. Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được thiết lập

để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

8.2. Các thỏa thuận, quy trình và chính sách để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được thực hiện.

8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải tiến để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Mục 2

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ MẶT HỆ THỐNG

Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

9.1. Cơ cấu, vai trò, và trách nhiệm và, trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để thực hiện các mục tiêu chiến lược và công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

9.2. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng bao gồm các chiến lược, các chính sách, các hoạt động và sự tham gia của các bên liên quan, cũng như việc thúc đẩy và tập huấn về đảm bảo chất lượng được thiết lập để thực hiện các mục tiêu chiến lược và công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được truyền thông, lan tỏa và chuyển thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để thực hiện.

9.4. Hệ thống để lưu giữ văn bản, rà soát, đánh giá và phổ biến các quy trình, thủ tục, hệ thống và chính sách đảm bảo chất lượng được triển khai.

9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các mục tiêu được thiết lập để đo lường về kết quả hoạt động công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

9.6. Các chỉ số thực hiện chính, quy trình lập kế hoạch được cải tiến để thực hiện các mục tiêu chiến lược và công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Tiêu chuẩn 10: Đánh giá chất lượng bên trong và bên ngoài

10.1. Kế hoạch đánh giá chất lượng bên trong (tự đánh giá) và bên ngoài (đánh giá ngoài) được thiết lập.

10.2. Việc đánh giá chất lượng bên trong và bên ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

10.3. Các phát hiện và kết quả của việc đánh giá chất lượng bên trong và bên ngoài được rà soát.

10.4. Các quy trình đánh giá chất lượng bên trong và bên ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo và thông tin đến và đi từ các bên liên quan trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong, bao gồm các dữ liệu được phân tích, phù hợp và sẵn sàng để các bên liên quan tiếp cận một cách kịp thời nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định đồng thời đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn của cơ sở giáo dục.

11.3. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng của dữ liệu và thông tin cũng như sự thống nhất, bảo mật và an toàn của cơ sở giáo dục được rà soát.

11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và các chính sách, quy trình và kế hoạch được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng

12.1. Kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để tìm kiếm các thực hành tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng.

12.2. Các tiêu chí lựa chọn các đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để cải tiến hiệu quả hoạt động được thiết lập.

12.3. Thông tin so chuẩn và đối sánh nhằm nâng cao các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích sáng tạo được thực hiện.

12.4. Quy trình lựa chọn và sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

12.5. Quy trình lựa chọn và sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục tìm kiếm các thực hành tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Mục 3

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ MẶT THỰC HIỆN CHỨC NĂNG

Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học

13.1. Các kế hoạch, các chính sách và việc truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo được thiết lập.

13.2. Các tiêu chí để lựa chọn sinh viên có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo được thiết lập.

13.3. Các thủ tục giám sát việc tuyển sinh được thực hiện.

13.4. Các biện pháp đo lường được thiết lập để giám sát việc tuyển sinh.

13.5. Việc tuyển sinh được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả.

Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

14.1. Hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát và phê duyệt các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học có sự đóng góp và phản hồi từ các bên liên quan được thiết lập.

14.2. Hệ thống xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập.

14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học được văn bản hóa dựa trên chuẩn đầu ra, được phổ biến và thực hiện.

14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế và điều chỉnh chương trình dạy học, và các chương trình dạy học được thực hiện.

14.5. Quy trình thiết kế và rà soát chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng các nhu cầu thay đổi của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập

15.1. Hệ thống để lựa chọn các hoạt động dạy-học phù hợp với triết lý giáo

dục và

để đạt được chuẩn đầu ra được thiết lập.

15.2. Hệ thống thu hút, phân công nhiệm vụ và phê chuẩn đội ngũ giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm được triển khai.

15.3. Các hoạt động dạy-học thúc đẩy việc học tập suốt đời và được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

15.4. Các hoạt động dạy-học được giám sát và đánh giá để cải tiến và nâng cao chất lượng.

15.5. Triết lý giáo dục, hoạt động dạy-học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, chất lượng dạy và học cũng như việc học tập suốt đời.

Tiêu chuẩn 16: Đánh giá sinh viên

16.1. Hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá sinh viên phù hợp với môn học/học phần được thiết lập.

16.2. Đánh giá sinh viên được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá sinh viên được rà soát để đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, công bằng và đạt được chuẩn đầu ra.

16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá sinh viên được cải tiến để đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị và hướng tới việc đạt được chuẩn đầu ra.

Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên

17.1. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên cũng như hệ thống giám sát sinh viên được lập kế hoạch.

17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên cũng như hệ thống giám sát sinh viên được thực hiện để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên cũng như hệ thống giám sát sinh viên được rà soát.

17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên cũng như hệ thống giám sát sinh viên được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học

18.1. Hệ thống bao quát, chỉ đạo, thực hiện, giám sát và rà soát chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động nghiên cứu; và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu được thiết lập.

18.2. Cách tiếp cận chiến lược tìm nguồn kinh phí cho nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, sáng tạo, hợp tác và nghiên cứu khoa học đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

18.3. Các chỉ số thực hiện chính được dùng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

18.4. Việc quản lý nghiên cứu khoa học được cải tiến để nâng cao trình độ nghiên cứu và sáng tạo của cơ sở giáo dục.

Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ

19.1. Hệ thống để quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu được thiết lập.

19.2. Hệ thống để ghi chép, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

19.3. Hệ thống để rà soát việc quản lý tài sản trí tuệ được thực hiện.

19.4. Việc quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ trường đại học, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích chung.

Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

20.1. Hệ thống xây dựng các hợp tác và đối tác nghiên cứu để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu được thiết lập.

20.2. Các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai.

20.3. Hệ thống đánh giá hiệu quả của các hợp tác và đối tác nghiên cứu được thực hiện

20.4. Các hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải tiến để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng

21.1. Kế hoạch kết nối cộng đồng và cung cấp các dịch vụ phục vụ để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục được xây dựng.

21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho việc kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

21.3. Hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mục 4

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo

22.1. Tỷ lệ sinh viên đạt và thôi học của tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

22.3. Khả năng có việc làm của sinh viên tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của sinh viên tốt nghiệp

Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học

23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

23.2 Loại hình và khối lượng nghiên cứu của sinh viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

23.3 Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các chỉ số trích

dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

23.4 Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

23.5 Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

23.6 Kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyên gia, thành lập các start-ups, v.v. được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Tiêu chuẩn 24: Kết quả đóng góp phục vụ cộng đồng

24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

24.2. Tác động xã hội và kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với sinh viên và đội ngũ cán bộ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường giáo dục

25.1. Kết quả hoạt động và các chỉ số tài chính cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

25.2. Kết quả hoạt động và các chỉ số thị trường giáo dục cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Phụ lục 2 (biểu mẫu)

Danh sách các minh chứng đã có

Số TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	MC	Mô tả ngắn gọn thông tin và minh chứng
1	1	1.1	1.1.1	Quyết định số.../QĐ-ĐHYDCT ngày v/v.....
2				Kế hoạch....
3				Biên bản ngày v/v.....
4				Báo cáo.....
5			1.1.2	
6				
7				
8			
9		1.2	1.2.1	
10				
11				
12			1.2.2	
13				
14				

Phụ lục 3 (biểu mẫu)

Danh sách các minh chứng chưa có

Số TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí	MC	Mô tả ngắn gọn minh chứng cần có
1	1	1.1	1.1.1	Thiếu kế hoạch về.....năm
2				Thiếu khảo sát.....
3				
4				
5			1.1.2	
6				
7				
8			
9		1.2	1.2.1	
10				
11				
12			1.2.2	
13				
14				

Phụ lục 4 (biểu mẫu ví dụ)

Bảng kiểm tự đánh giá tình hình minh chứng được thu thập

(Dựa theo các câu hỏi gợi ý trong tài liệu: Guide to AUN- QA

assessment at Institutional level, version 2.0 tại website trường)

Tiêu chuẩn 1	Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	1	2	3	4	5	6	7
1.1	<i>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo rằng tầm nhìn và sứ mạng đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</i>							
1	Có đầy đủ minh chứng cho thấy các bên liên quan tham gia vào xây dựng tầm nhìn và sứ mạng	V						
2	Có đầy đủ minh chứng cho thấy tầm nhìn và sứ mạng đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan				V			
3	Có đầy đủ minh chứng cho thấy tầm nhìn và sứ mạng hài lòng được các bên liên quan				V			
4							
1.2	<i>Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được tuyên bố.....</i>							
1	Có đầy đủ minh chứng Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được tuyên truyền rộng đến các đối tượng trong trường				V			
2	Có đầy đủ minh chứng Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa được tuyên truyền rộng đến các đối tượng liên quan ngoài trường		V					
							
	Tổng cộng							

- Thang đánh giá: 7 mức
- Mức 1: Hoàn toàn không có minh chứng nào
- Mức 2: Có một số ít minh chứng, nhưng chưa đủ chứng minh, thuyết phục được nội hàm là có thực hiện
- Mức 3: Có nhưng chưa đầy đủ minh chứng ở các năm; ví dụ: có báo cáo triển khai, báo cáo đánh giá cải tiến, nhưng thiếu kế hoạch thực hiện. Hoặc có đầy đủ nhưng thiếu ≥ 3 năm (nhất là 3 năm gần đây)
- Mức 4 (4 điểm): Có đầy đủ minh chứng, cơ bản đáp ứng yêu cầu
- Mức 5: Tốt hơn mức đáp ứng đầy đủ yêu cầu, có vài minh chứng cải tiến tích cực
- Mức 6: Tốt hơn mức đáp ứng đầy đủ yêu cầu, có nhiều minh chứng cải tiến tích cực
- Mức 7: Xuất sắc, 100% đều có đủ minh chứng có giá trị, cải tiến hiệu quả, có đánh giá cải tiến nâng cao chất lượng

Phụ lục 6 (Ví dụ)

Bảng kiểm Tự đánh giá Tiêu chuẩn Đảm bảo chất lượng giáo dục

Tiêu chuẩn 1	Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	1	2	3	4	5	6	7
1.1	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo.....		V					
1.2	Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa được tuyên bố.....				V			
1.3	Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa được rà soát.....				V			
1.4	Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa cùng quá trình phát triển.....				V			
Tổng cộng		14						

- Thang đánh giá: 7 mức = 7 điểm/ tiêu chí
- Mức 1 (1 điểm): Hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu: không thực hiện đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn; không có các kế hoạch, tài liệu, các minh chứng hoặc các kết quả có sẵn, cần thực hiện cải tiến chất lượng ngay.
- Mức 2 (2 điểm): Không đáp ứng yêu cầu, cần thiết phải cải tiến chất lượng: Đối với những lĩnh vực cần phải cải tiến thì công tác đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn mới đang ở giai đoạn kế hoạch hoặc không đáp ứng yêu cầu; có ít tài liệu hoặc minh chứng; hoạt động đảm bảo chất lượng còn ít hoặc hiệu quả kém.
- Mức 3 (3 điểm): Không đáp ứng yêu cầu, nhưng chỉ cần cải tiến nhỏ sẽ đáp ứng đầy đủ: Đã xác định và thực hiện hoạt động đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn nhưng cần có cải tiến nhỏ để đáp ứng đầy đủ yêu cầu tiêu chuẩn; có các tài liệu, nhưng không có các minh chứng rõ ràng để chứng minh rằng chúng được sử dụng đầy đủ; việc thực hiện đảm bảo chất lượng không nhất quán hoặc chỉ có một số kết quả.
- Mức 4 (4 điểm): Thực hiện đầy đủ yêu cầu như mong đợi: thực hiện đầy đủ công tác đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn; có các minh chứng chứng tỏ việc thực hiện được tiến hành đầy đủ; việc thực hiện đảm bảo chất lượng cho thấy kết quả nhất quán như mong đợi.

- Mức 5 (5 điểm): Tốt hơn mức đáp ứng đầy đủ yêu cầu: thực hiện công tác đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn vượt mức đáp ứng đầy đủ; có các minh chứng chứng tỏ việc thực hiện được tiến hành một cách có hiệu quả; việc thực hiện đảm bảo chất lượng cho thấy các kết quả tốt và xu hướng cải tiến tích cực.
- Mức 6 (6 điểm): Là điển hình về thực hành tốt: việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn được xem là ví dụ điển hình tốt nhất trong lĩnh vực; có các minh chứng chứng tỏ việc thực hiện được tiến hành hiệu quả; việc thực hiện đảm bảo chất lượng cho thấy các kết quả rất tốt và xu hướng cải tiến tích cực.
- Mức 7 (7 điểm): Xuất sắc đạt mức đẳng cấp thế giới hoặc là điển hình hàng đầu: việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn được xem là xuất sắc hoặc là điển hình đạt mức đẳng cấp thế giới; có các minh chứng chứng tỏ việc thực hiện được tiến hành một cách sáng tạo; việc thực hiện đảm bảo chất lượng cho thấy các kết quả xuất sắc và xu hướng cải tiến xuất sắc
- Các tính điểm/tiêu chuẩn: điểm trung bình, điểm nguyên.
- Tiêu chuẩn 18, 19, 20 và 23 được tính thêm hệ số:
 - Cơ sở giáo dục định hướng nghiên cứu: nhân hệ số 1;
 - Cơ sở giáo dục định hướng ứng dụng: nhân hệ số 2;
 - Cơ sở giáo dục định hướng thực hành: nhân hệ số 3.
- Đạt:
 - Điểm tiêu chí \geq mức 4 (4 điểm);
 - Điểm trung bình các tiêu chuẩn \geq 3.2 điểm. Không có tiêu chuẩn nào điểm trung bình là 1 điểm .